| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TIỂU CẦN**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2017/DSST
Ngày: 21-9-2017
*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông **Nguyễn Văn Sơn;**
2. Ông **Nguyễn Văn Bé.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Đinh Thanh Bình -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Hùng Cường**, Kiểm sát viên.

*Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 419/2017/TLST-DS ngày 11/7/2017; về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXXST-DS, ngày 18/8/2017,* giữa:

***Nguyên đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 29/6/2017 (nộp tại Tòa ngày 30/6/2017), bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải của nguyên đơn Ông Trần Văn T trình bày:***

Đối với tiền mua bán xe bằng 2.500.000 đồng ông tự nguyện rút lại yêu cầu vào ngày 01/8/2017, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 26/3/2010, Ông Nguyễn Văn S có vay của ông bằng 15.000.000 đồng, việc vay tiền ông S có ký tên vào biên nhận nợ. Hai bên thỏa thuận lãi suất 0,2%/ngày. Từ lúc vay tiền cho đến ngày 27/4/2010 ông S có trả vốn bằng 8.000.000 đồng và đóng lãi bằng 960.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng thì

không có trả tiếp và cũng không đóng lãi cho đến nay.

Việc ông S trình bày ông cho vay lãi suất 30% là không đúng, khi ông S trả tiền ông chỉ ghi chung biên nhận nợ ở hàng chữ cuối trả bằng 8.000.000 đồng và lãi 960.000 đồng không có làm biên nhận nhận lại tiền. Biên nhận nợ do ông viết, sau khi viết xong ông đọc lại cho ông S nghe rồi ông S ký tên bên nhận tiền. Tiền vay ông yêu cầu cá nhân ông S trả không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Nguyễn Văn S trả tiền vay còn nợ bằng 7.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/4/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng.

Ông Trần Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

***Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn Ông Nguyễn Văn S trình bày:***

Ông thừa nhận có vay tiền của ông T bằng 15.000.000 đồng và viết biên nhận ngày 26/3/2010, ông T tính lãi suất 30%/tháng, đối với tiền vay trên ông đóng lãi cho ông T gần 01 năm nhưng không nhớ đóng tổng cộng bao nhiêu tiền, ông không yêu cầu tính lãi lại.

Tiền vay ông có trả cho ông T bằng 10.000.000 đồng tiền vốn ngày, tháng, năm trả ông không nhớ và còn nợ lại ông T bằng 5.000.000 đồng. Ông vay tiền của ông T, ông T viết biên nhận rồi ông ký tên, chứ ông không có đọc lại biên nhận, biên nhận ông T kiện ông chữ ký Sang là của ông.

Nay ông đồng ý trả cho ông T bằng 5.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông T. Tiền vay ông đồng ý trả một mình không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông.

Đối với tiền mua bán xe bằng 2.500.000 đồng ông T tự nguyện rút lại yêu cầu vào ngày 01/8/2017, ông đồng ý.

Ông S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

**Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:**

Tiền mua bán xe bằng 2.500.000 đồng, ông T tự nguyện rút lại yêu cầu vào ngày 01/8/2017.

Ông S thừa nhận biên nhận nợ ngày 26/3/2010 ông T cung cấp là do ông ký tên.

**Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:**

Ông Trần Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả tiền vay còn nợ bằng 7.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/4/2010 cho đến khi Tòa án giải quyết xong mức lãi suất 1%/ tháng.

Ông Nguyễn Văn S thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho ông T bằng 5.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã

chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án vị đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn S trả cho ông Trần Văn T bằng 7.000.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi của ông T từ ngày 27/4/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm, vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 162 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP, ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất "Những quy định chung" của Bộ luật tố tụng dân sự đã được, sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông T, vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Về tiền mua bán xe bằng 2.500.000 đồng do nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối yêu cầu này.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn Ông Nguyễn Văn S có hộ khẩu thường trú ở ấp C, xã D, huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] *Về nội dung*:

Xét thấy, biên nhận nợ ngày 26/3/2010 thể hiện số tiền vay bằng 15.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận thời gian trả vốn và có thỏa thuận lãi suất, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi, do ông S không thực hiện nghĩa vụ đến ngày 30/6/2017 nguyên đơn Ông Trần Văn T có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông S hoàn trả số tiền vốn vay còn nợ lại bằng 7.000.000 đồng trong biên nhận ngày 26/3/2010. Tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2017 ông S thừa nhận có vay số tiền 15.000.000 đồng của ông T theo biên nhận nợ ngày 26/3/2010, ông S trình bày ông đã trả 10.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 5.000.000 đồng, xét thấy, sự thừa nhận của bị đơn với nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản là phù hợp quy định tại Điều 162 của Bộ luật dân sự 2005 (Điều 157 BLDS 2015).

Ông T khởi kiện yêu cầu ông S trả tiền vay còn nợ bằng 7.000.000 đồng trong biên nhận ngày 26/3/2010 (ông S đã trả được 8.000.000 đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/4/2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng, ông T chứng minh được ông S có vay tiền của ông bằng biên nhận nợ ngày 26/3/2010 có chữ ký của ông S. Ông S thừa nhận có vay tiền của ông T bằng 15.000.000 đồng tại biên nhận nợ ngày 26/3/2010 theo quy định tại khoản

2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự là tình tiết bên ông T không phải chứng minh. Ông S cho rằng tiền vay ông có trả cho ông T bằng 10.000.000 đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng, chứ không phải 7.000.000 đồng như ông T yêu cầu và ông có đóng lãi với mức lãi suất 30%/tháng, đóng lãi gần 01 năm ông không nhớ đã đóng bao nhiêu tiền và không yêu cầu tính lãi lại, sự việc này không được ông T thừa nhận và ông S không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông, nên ông S phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn bằng 7.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi: Ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu ông S trả 7.000.000 đồng tiền vốn và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/3/2010, trong quá trình giải quyết ông T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 27/4/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tại biên nhận nợ ngày 26/3/2010 lãi suất các bên thỏa thuận 0,2%/ngày và ông T có yêu cầu tính lãi với mức 1%/tháng tính từ ngày 27/4/2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là cao hơn mức lãi suất quy định của pháp luật. Trong biên nhận các bên không thỏa thuận thời gian thanh toán nợ và bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày tiếp theo là ngày 28/4/2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nên tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 28/4/2010 đến ngày 21/9/2017 là 07 năm 04 tháng 23 ngày (tiền lãi được tính 7.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 07 năm 04 tháng 23 ngày) bằng 4.660.250 đồng.

Ông T thừa nhận có nhận của ông S bằng 960.000 đồng tiền lãi, số tiền này được khấu trừ vào tiền lãi mà ông S phải có trách nhiệm trả tiếp cho ông T bằng 3.700.250 đồng (4.660.250 đồng – 960.000 đồng).

[3] *Về yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/8/2017 đối với yêu cầu mua bán xe bằng 2.500.000 đồng, ông T và ông S tự thỏa thuận. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên được Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối yêu cầu này.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà: Buộc Ông Nguyễn Văn S trả cho Ông Trần Văn T tiền vay còn nợ bằng 7.000.000 là có căn cứ. Về yêu cầu tính lãi của nguyên vị đề nghị không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông T là không có cơ sở, xét thấy giao dịch giữa các bên phù hợp quy định tại Điều 162 của Bộ luật dân sự 2005 (Điều 157 BLDS 2015), nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 162, 471, 474, 477, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 157, 468, điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

**1.** Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện tiền mua bán xe bằng 2.500.000 đồng.

**2.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn T yêu cầu Ông Nguyễn Văn S hoàn trả số tiền bằng 10.700.250 đồng.

Buộc Ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm hoàn trả cho Ông Trần Văn T số tiền 10.700.250 đồng (trong đó nợ gốc 7.000.000 đồng, tiền lãi 3.700.250 đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

**3. Về án phí**: Buộc bị đơn Ông Nguyễn Văn S phải chịu 535.125 đồng.

Nguyên đơn Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 237.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0011508 ngày 11/7/2017của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần cho Ông Trần Văn T.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Dương Thị Mỹ Chấm**